



## CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

### Trụ sở chính

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Tel.: (066) 3753250 -

Fax: (066) 3839834

Email: sbttninh@hcm.vnn.vn

### Văn phòng thương mại

Lầu 1 - 62 Trần Huy Liệu, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

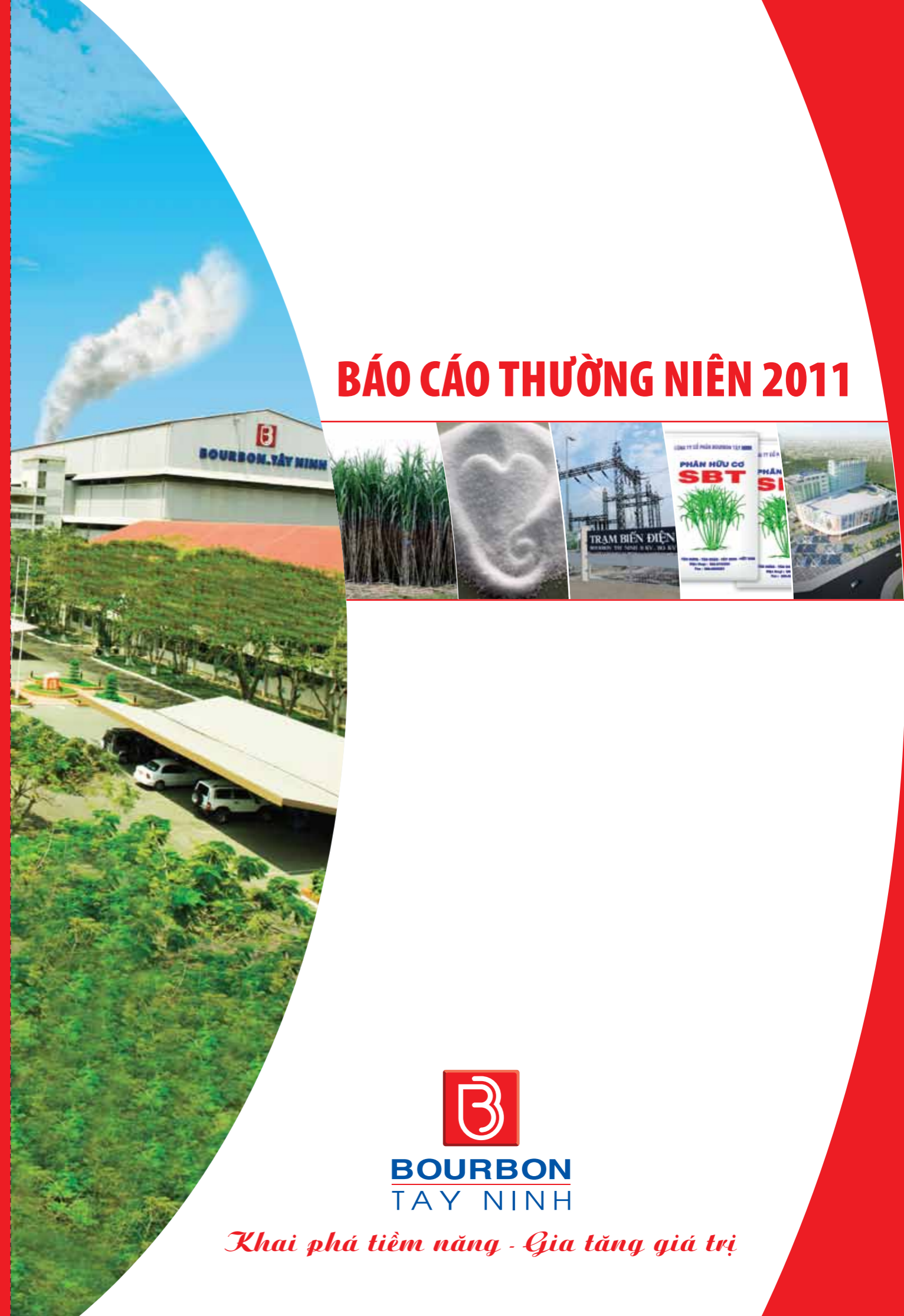
Tel: (08) 629 269 18 - 629 269 19

Fax: (08). 629 269 20

Email: bourbonsugar@vnn.vn

[www.bourbontn.com.vn](http://www.bourbontn.com.vn)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011



*Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị*

## *Khai phá tiềm năng, Gia tăng giá trị*



### MỤC LỤC

#### THÔNG ĐIỆP

- 04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

#### THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- 05 Cơ cấu cổ đông
- 05 Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng CP

#### TỔNG QUAN CÔNG TY

- 06 Giới thiệu chung
- 08 Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- 10 Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011
- 12 Sự kiện nổi bật năm 2011

#### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 16 Sơ đồ tổ chức
- 18 Giới thiệu HĐQT
- 20 Giới thiệu Ban kiểm soát
- 21 Giới thiệu Ban điều hành

#### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

- 24 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 28 Báo cáo của HĐQT
- 32 Báo cáo của Ban kiểm soát
- 36 Báo cáo kết quả thực hiện 2007 - 2011

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2011

- 40 Thông tin chung
- 42 Báo cáo của Ban giám đốc
- 43 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 44 Bảng cân đối kế toán
- 48 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 49 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 51 Thuyết minh báo cáo tài chính

## Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



### Quý vị Cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác chiến lược thân mến,

Tiếp nối những thành tựu của năm 2010, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (SBT) tiếp tục đạt được những kết quả vượt bậc trong năm 2011. Các chỉ tiêu đều đạt vượt mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó. Doanh thu thuần vượt trên 2.000 tỷ đồng, lợi nhuận ròng đạt 149% so với kế hoạch, tăng 60 % so với năm 2010. Đây là kết quả rất đáng để Quý cổ đông tự hào vì đã chọn SBT để đầu tư trong tình hình nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Song song đó, Công ty đã hoàn thành việc nâng công suất nhà máy từ 8.000 TMN lên 9.000 TMN, khai thác thế mạnh về công nghệ kỹ thuật tiên tiến và thế mạnh nguồn nhân lực để nâng công suất nhà máy, góp phần giảm giá thành sản xuất, tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm mang thương hiệu Bourbon Tây Ninh.

Thành công của SBT nói riêng cùng một số ít doanh nghiệp khác đã tạo nên những điểm sáng cho bức tranh chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm qua. Những quyết định sáng suốt của Quý cổ đông tại Đại hội, sự theo dõi và chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, sự điều hành nhạy bén của Ban Tổng giám đốc, sự nhiệt tình, trách nhiệm của CBNV. Và trên hết đó là sự hợp tác của hơn 3.000 nông dân trồng mía, sự tin yêu của khách hàng, và sự đồng hành, gắn kết của gần 3.000 cổ đông, các đối tác, nhà đầu tư chiến lược. Tổng hòa tất cả những lợi thế trên đã tạo nên vị thế SBT như ngày hôm nay.

Năm 2012, nền kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn và nhiều biến động, đặc biệt trong lĩnh vực ngành mía đường. Vì vậy Hội đồng quản trị chúng tôi sẽ trình Đại hội đồng cổ đông một kế hoạch kinh doanh tương đối thận trọng so với kết quả thực hiện năm 2011. Đồng thời, một chiến lược dài hạn cũng đã được hoạch định cho sự phát triển của SBT trong 5 năm tới.

“Thành công vượt bậc của SBT là kết quả rất đáng để Quý cổ đông tự hào vì đã chọn SBT để đầu tư trong tình hình nền kinh tế còn nhiều khó khăn”.

Khởi đầu là kế hoạch nâng công suất nhà máy từ 9.000 TMN lên 9.800 TMN trong năm 2012 và kế hoạch đồng bộ đi kèm là việc đầu tư nâng cao chất lượng và diện tích vùng mía nguyên đang được triển khai theo tiêu chí tập trung nghiên cứu các giải pháp nhằm phát triển mía giống, tập trung công tác khuyến nông để kéo dài thời gian sản xuất, đảm bảo nâng thu nhập của người dân trồng mía nhằm kéo người dân về với cây mía và duy trì mối quan hệ lâu dài giữa đôi bên. Bên cạnh đó, việc giải quyết đầu ra cho Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa, dự án Espace Bourbon Tây Ninh là ưu tiên quan trọng của HĐQT và Ban điều hành. Đồng thời SBT cũng đã và đang quan tâm đến việc mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước có uy tín trong ngành mía đường thế giới để tiếp cận những phương pháp quản trị kinh doanh tiên tiến vì mục tiêu phát triển SBT.

Rất mong được quý vị Cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác chiến lược chia sẻ và đồng thuận. Hội đồng quản trị chúng tôi cũng xem đây là sự hậu thuẫn, là động lực có sức động viên cổ vũ to lớn trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao phó trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn và thách thức như hiện nay.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, Tôi chân thành cảm ơn Quý cơ quan ban ngành đã luôn quan tâm và hỗ trợ, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý bà con nông dân về sự hợp tác lâu dài, Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Kính chúc Quý vị luôn đạt được những thành công mới trong cuộc sống.

Trân trọng,

TM. Hội đồng Quản trị

Huỳnh Bích Ngọc

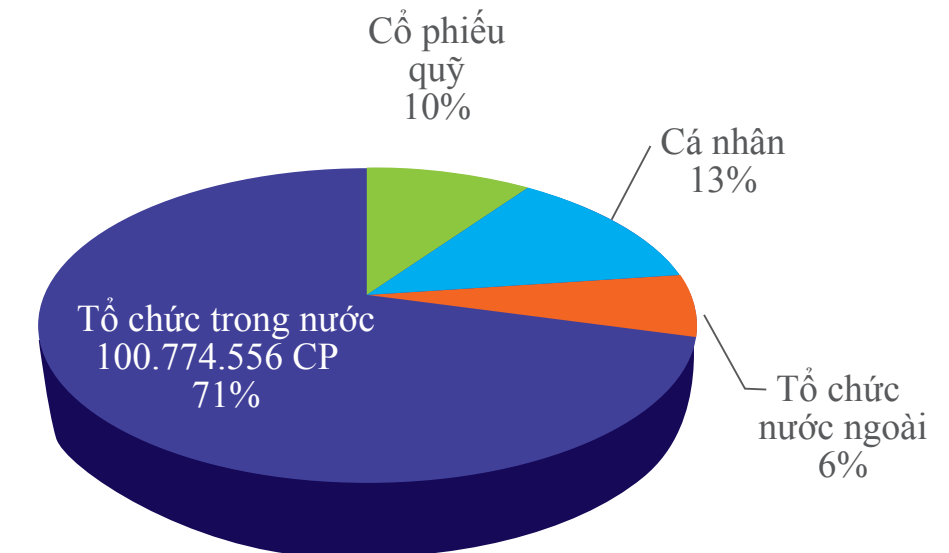
## Thông tin cổ đông

Cơ cấu cổ đông  
Danh sách cổ đông từ 5%

## Thông tin về cổ đông và cổ phiếu

(tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 05/03/2012)

### Cơ cấu cổ đông



### Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu phát hành

STT	Cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công	0301466073	35.247.600	24,8%
2	Công ty TNHH Đặng Thành	0303125287	35.055.670	24,7%
4	Công ty cổ phần Sữa Việt Nam	0300588569	7.096.290	5,0%

## Tổng quan Bourbon Tây Ninh

### Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 -2011  
Sự kiện nổi bật năm 2011

## Giới thiệu chung

### Tên công ty

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
Tên giao dịch: SOCIETE DE BOURBON TÂY NINH  
Tên viết tắt: SBT

### Ngày thành lập

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh thành lập ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư cấp (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng công ty mía đường II và Công ty mía đường Tây Ninh.

### Thông tin liên hệ

Trụ sở chính: Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại: 066 3 753 250  
Fax: 066 3 839 834  
Website: <http://www.bourbontn.com.vn>  
Email: [sbttinh@hcm.vnn.vn](mailto:sbttinh@hcm.vnn.vn)

### Các chi nhánh:

#### Văn phòng Thương mại SBT

Lầu 1, số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Điện thoại: 08 629 269 18 - 629 269 19  
Fax: 08 629 269 20

#### Kho đường tại Tp.HCM

Công ty Thành Thành Công, KCN Tân Bình, Quận Tân Bình – Tp.HCM

#### Trại thực nghiệm mía Châu Thành

Xã Thái Bình – Huyện Châu Thành – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại: 066 3 823 843

#### Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống Tây Ninh

Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại: 066 3 753 802

#### Trại mía giống Bourbon Bến Cầu

Xã Long Phước – Huyện Bến Cầu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại - Fax: 066 3760828

## Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường tinh luyện
- Đầu tư trồng và phát triển mía
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm từ đường
- Sản xuất điện thương phẩm từ bã mía hoặc than đá
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp
- Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng
- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- Gia công cơ khí
- Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường

## Vốn điều lệ

1.419.258.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm mười chín tỷ hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

## Giấy chứng nhận đầu tư

Hiện nay, SBT là Công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 45103100014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp điều chỉnh lần thứ 8 ngày 09/05/2011

## Niêm yết

Ngày 25/02/2008 Công ty niêm yết 44.824.172 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TPHCM, chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành. Mã chứng khoán : SBT. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 17/05/2011 Ủy ban chứng khoán Nhà Nước ra quyết định chấp thuận cho SBT niêm yết bổ sung 97.081.628 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Theo công văn số 137/UBCK-PTTT ngày 17/05/2011)

## Cổ đông chiến lược nắm giữ 25% tổng số cổ phần

Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thành Thành Công  
Công ty TNHH Đặng Thành

## Công ty kiểm toán

Công ty TNHH kiểm toán Ernts & Young Việt Nam  
Địa chỉ: Saigon Riverside Office Center  
Tầng 8, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08 3 824 5252 Fax: 08 3 824 5250  
Website: [www.ey.com](http://www.ey.com)



## Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

**Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi**

Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011

Sự kiện nổi bật năm 2011

## Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

### Sứ mệnh

“Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe”

### Tầm nhìn

“Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực”

### Giá trị cốt lõi

- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu
- Nhân viên là tài sản
- Nông dân là bạn đồng hành
- Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng
- Luôn là người tiên phong



### Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011

Sự kiện nổi bật năm 2011

## Hành trình phát triển 2007 - 2011

### 2007

Công ty thuê 1.002 m<sup>2</sup> đất tại Trung tâm thị xã Tây Ninh, vị trí đất giáp 4 mặt tiền đường và nơi đây được mệnh danh là “Khu đất vàng” của thị xã.

### 2008

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT.

### 2009

Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.



### 2010

Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam. Trong đó Công ty cổ phần sản xuất thương mại Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của SBT.

### 2011

Lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy SBT triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí dự kiến và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2011-2012 vừa qua.



### Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung  
Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011  
Sự kiện nổi bật năm 2011

## Sự kiện nổi bật năm 2011

sản lượng mía ép đạt **917.742** tấn

sản lượng đường tiêu thụ **98.490** tấn

sản lượng đường thô nguyên liệu **21.788** tấn

sản lượng điện tiêu thụ **46.453** Mwh

TỔNG DOANH THU  
& THU NHẬP KHÁC

**2.187** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**571** TỶ ĐỒNG

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, lợi nhuận sau thuế của SBT đạt 553 tỷ đồng, vượt đến 49% so với kế hoạch ĐHCĐ giao phó. **SBT** đã vươn lên thành đơn vị tiên phong trong ngành đường và đứng đầu về lợi nhuận của ngành trong năm 2011. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh, nhiều nhà đầu tư “quay lưng” với thị trường thì cổ phiếu SBT vẫn nhận được nhiều sự quan tâm.

## Các danh hiệu đạt được trong năm 2011



Giải bạc chất lượng Quốc Gia



Chứng nhận Thương hiệu Việt



- Năm 2011 là năm lần đầu tiên Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh tham dự “Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam”. Đây là một giải thưởng lớn, chất lượng, có uy tín do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức. Công ty đã vinh dự nhận giải Bạc chất lượng Quốc Gia Việt Nam vào tháng 02/2012 do Thủ tướng Chính phủ Việt Nam trao tặng.
- SBT được UBND Tỉnh Tây Ninh khen tặng “Đã có nhiều thành tích trong vụ sản xuất 2010-2011”.
- SBT được UBND Tỉnh Tây Ninh khen tặng “Đã có nhiều thành tích trong hỗ trợ đời sống vật chất và tinh thần cho hộ nghèo địa bàn tỉnh Tây Ninh”.
- SBT được Ủy Ban nhân dân tỉnh Tây Ninh khen tặng là đơn vị “đã có nhiều thành tích trong công tác An toàn vệ sinh lao động – Phòng chống cháy nổ”.
- SBT được UBND tỉnh Tây Ninh khen tặng các danh hiệu “Thực hiện xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế”.
- SBT được Cục thuế tỉnh Tây Ninh khen tặng “Hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ thuế năm 2011”.
- Cuối năm 2011, SBT đã được Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu ứng dụng phát triển Thương hiệu Việt cấp Giấy chứng nhận công bố thương hiệu và Quyết định cấp quyền sử dụng dấu hiệu Thương hiệu Việt uy tín 2012.

8

Ngày 13/02/2012, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) công bố 30 doanh nghiệp vào danh sách VN30, trong đó có công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (Mã chứng khoán: SBT).



### Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung  
Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011  
**Sự kiện nổi bật năm 2011**

## Sự kiện nổi bật năm 2011 (tiếp theo)



Lễ khởi công dự án Espace Bourbon Tây Ninh



SBT trao tặng tivi cho các hộ gia đình khó khăn trên địa bàn Tỉnh



Chủ tịch HĐQT bàn giao máy bốt mía cho nông dân

Ngày 25/11/2011, SBT đã khởi công xây dựng dự án Espace Bourbon Tây Ninh. Dự kiến sẽ hoàn thành sau 2 năm xây dựng.

Trong năm 2011 SBT đã có nhiều hoạt động trong công tác xã hội và phối hợp cung với các ban ngành địa phương. Trong đó có chương trình trao tặng 100 tivi cho các hộ nghèo trong tỉnh với trị giá chương trình là 250 triệu đồng.

Tháng 09/2011 trong buổi Hội nghị đầu vụ sản xuất, Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh đã bàn giao 10 chiếc máy bốt mía cho những nông dân đã đăng ký mua. Có thể nói đây là một trong những hành động thiết thực và nhạy bén của SBT nhằm hỗ trợ tốt nhất cho bà con nông dân trong tình hình khan hiếm công cụ thu hoạch như hiện nay. Trong thời gian tới, máy bốt mía sẽ phát huy hiệu quả trên đồng ruộng, góp phần giảm giá thành thu hoạch, tăng giá trị cây mía và hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân trồng mía.

“Con người là tài sản quý nhất  
tạo nên thành công của Bourbon Tây Ninh”



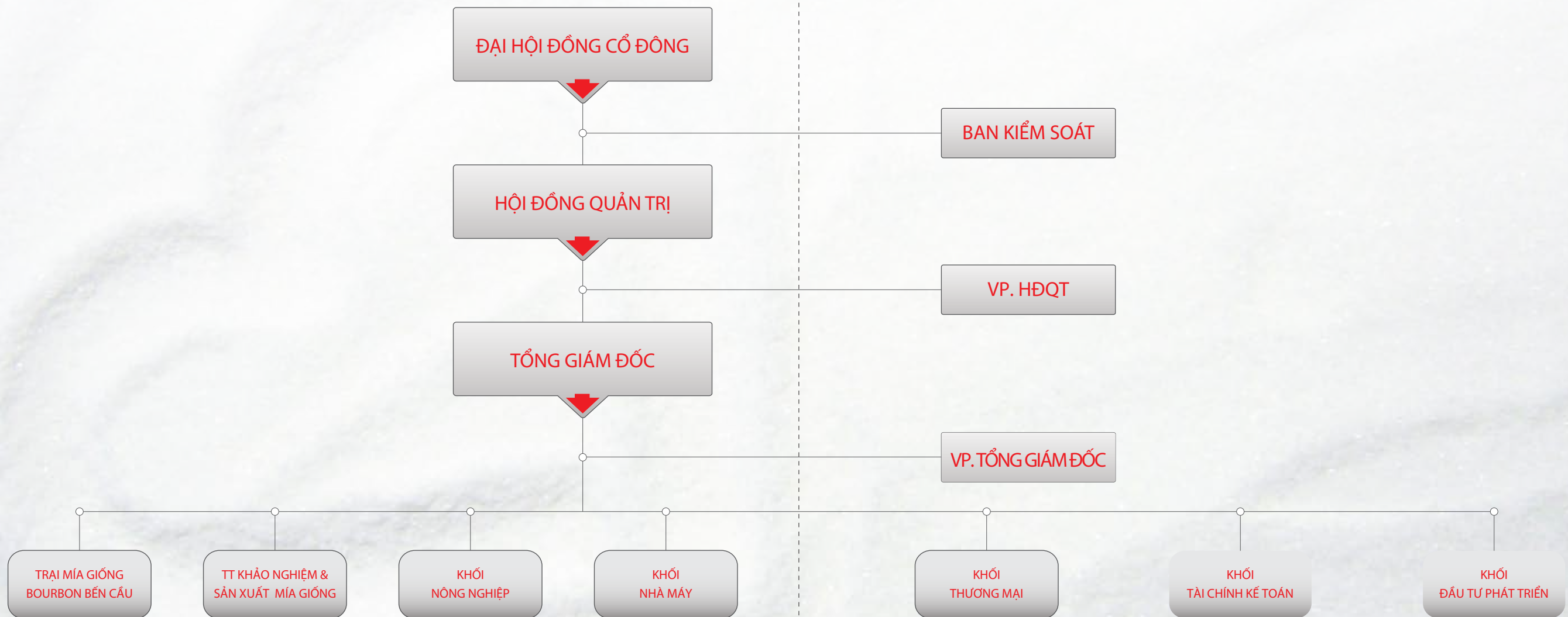
Con người là tài sản quý nhất tạo nên thành công của Bourbon Tây Ninh, do đó việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Sau 16 năm hoạt động, công ty đã quy tụ được đội ngũ nhân sự lâu năm và giàu kinh nghiệm. Trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác, đội ngũ kỹ sư, công nhân của nhà máy đã hoàn toàn làm chủ được công nghệ mà trước đây do những chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Theo định hướng phát triển của Công ty, nhân sự SBT sẽ tiếp tục được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, gia tăng chất lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh trong các niên vụ tiếp theo.



## Tổ chức & nhân sự

**Sơ đồ tổ chức**  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
Giới thiệu Ban Điều hành

## Sơ đồ tổ chức



**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
**Giới thiệu Hội đồng Quản trị**  
 Giới thiệu Ban Kiểm soát  
 Giới thiệu Ban Điều hành

**Giới thiệu Hội đồng Quản trị**

**Bà HUỖNH BÍCH NGỌC**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Khởi nghiệp với Cơ sở sản xuất cồn Thành Công từ năm 1980, sau một thời gian hoạt động, Bà đã phát triển Cơ sở cồn Thành Công thành Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công. Đến ngày 28/7/2007, Công ty Thành Thành Công đã chuyển sang hoạt động ở mô hình mới - mô hình công ty cổ phần với tên gọi là Công ty cổ phần SX – TM Thành Thành Công.

Cuối năm 2010, sau khi tiếp quản Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh từ Tập đoàn Bourbon của Pháp, Bà đã được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đồng thời, Bà còn là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công và là thành viên HĐQT một số doanh nghiệp khác.



**Ông LÊ VĂN DĨNH**  
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông là kỹ sư công nghệ đã về hưu sau khi làm việc lâu năm trong ngành đường Việt Nam. Ông đã từng là giám đốc Công ty đường Biên Hòa, giám đốc công ty ECotech.

Từ năm 2000 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh. Với kinh nghiệm và kiến thức nhiều năm trong ngành đường, Ông được Hội đồng quản trị giao trọng trách tư vấn về kỹ thuật, nông nghiệp cho SBT.



**Ông NGUYỄN VĂN LỘC**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp ngành Kỹ sư cơ khí trường ĐH Bách Khoa, Thạc sỹ quản trị kinh doanh trường Việt Bỉ. Ông Nguyễn Văn Lộc đã có hơn 23 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã nắm giữ các vị trí điều hành quan trọng tại Công ty CP Đường Biên Hòa và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Đường Biên Hòa.

Tháng 12/2010 Ông đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị SBT.



**Bà ĐẶNG HUỖNH ỨC MY**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và Tài chính, Bà ỨC My đã nắm giữ các vị trí điều hành quan trọng tại Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công và hiện nay đang giữ chức vụ Tổng giám đốc công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công.

Sau khi ông Philippe Lombard từ nhiệm, Bà được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị SBT vào ngày 11/01/2012.



**Bà NGUYỄN THỊ KIM VÂN**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Gắn bó với Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công hơn 10 năm và đã từng nắm giữ các vị trí quan trọng như Phó giám đốc (2001-2007), Phó Tổng giám đốc (2007 đến nay).

Cuối năm 2010, sau khi Thành Thành Công trở thành cổ đông lớn của SBT, Bà đã được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị SBT phụ trách tư vấn tài chính cho SBT.



**Ông NGUYỄN THANH PHONG**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Sau khi tốt nghiệp cử nhân kinh tế, ông Phong nắm giữ các vị trí quan trọng tại Công ty thuộc Khối Nhà Nước và hiện nay đang giữ chức vụ là Phó Giám Đốc Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Tây Ninh.

Ông tham gia Hội đồng quản trị SBT từ năm 2007. Sau 5 năm hoạt động của nhiệm kỳ thứ nhất (2007-2011), bằng những mối quan hệ sẵn có của mình, ông đã là cầu nối giúp mối quan hệ giữa Công ty với Chính quyền địa phương trong Tỉnh ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
**Giới thiệu Ban Kiểm soát**  
Giới thiệu Ban Điều hành

**Giới thiệu Ban Kiểm soát**

**Ông LÂM MINH CHÂU**  
Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lâm Minh Châu tốt nghiệp cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán. Gắn bó với đại gia đình Thành Công từ những năm 1992, ông Lâm Minh Châu đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông từng đảm nhiệm cương vị Kế toán trưởng (1998) và được bổ nhiệm làm Trưởng ban kiểm soát cho đến nay.

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 của SBT, ông được bầu là Trưởng ban kiểm soát. Đồng thời, ông cũng là Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín.



**Bà PHẠM THỊ THU TRANG**  
Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân kinh tế ngoại thương, Thạc sĩ kinh tế phát triển. Bà Phạm Thị Thu Trang đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong công tác kế hoạch, tài chính ở nhiều lĩnh vực khác nhau như Công ty Lương thực Cần Thơ, Công ty CP Tập Đoàn Mai Linh, Trung tâm tư vấn & Hỗ trợ Nông nghiệp – Sở Nông Nghiệp Tp.HCM. Hiện nay Bà đang là Trưởng phòng Kế hoạch Công ty SX-TM Thành Thành Công.

Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 của SBT, Bà được bầu là thành viên Ban kiểm soát.



**Ông VÕ VĂN HAI**  
Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Tài Chính – Kế toán. Ông đã từng giữ chức vụ Kế toán trưởng xí nghiệp kho vận – Công ty Xuất nhập khẩu Tây Ninh. Gắn bó với SBT từ những ngày đầu thành lập. Ông đã từng giữ cương vị là kế toán trưởng Trung tâm giống mía – Công ty Mía đường Tây Ninh (1993-1995). Hiện nay, Ông phụ trách kho đường Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh.

Ông được bổ nhiệm là thành viên Ban kiểm soát SBT từ năm 2007 đến nay.

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
**Giới thiệu Ban Điều hành**

**Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành**

**Ông NGUYỄN BÁ CHỦ**  
Tổng giám đốc điều hành

Là Cử nhân kinh tế Công nghiệp trường Đại học kinh tế Tp.HCM. Bắt đầu làm việc tại Công ty đường Bình Dương từ năm 1987 đến nay ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã từng tham gia nhiều khóa đào tạo quản lý cấp cao trong và ngoài nước, đặc biệt các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý sản xuất trong ngành mía đường. Ông đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công.

Từ tháng 10/2010, Ông được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc SBT. Ông đã cùng Ban điều hành đưa SBT đến những thành công vượt bậc về sản lượng mía ép, doanh thu, lợi nhuận. Phát huy những thế mạnh hiện có của SBT, ông đã biến ước mơ nâng công suất của nhà máy SBT thành hiện thực.



**Bà DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU**  
Giám đốc Thương mại

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh Tế và được đào tạo chuyên sâu về quản trị nhân hiệu hàng hoá, quản lý doanh nghiệp, quản lý hệ thống chất lượng, và quản trị kinh doanh ngoại thương. Bà có kinh nghiệm quản lý điều hành kinh doanh ngành đường trong suốt 13 năm trước khi gia nhập vào ngôi nhà chung SBT.

Từ năm 2010 đến nay với vị trí Giám đốc Khối Thương mại, Bà cùng các cộng sự đã và đang mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối, hệ thống siêu thị và nhà đại lý rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước.



**Bà TRƯƠNG THỊ HỒNG**  
Giám đốc Tài chính

Sau khi Tốt nghiệp Đại học kinh tế, tham gia và trưởng thành từ những hoạt động Đoàn, Đảng. Bà đã rất thành công và nắm giữ những vị trí quan trọng như: Phó văn phòng Tài chính Thị xã ủy, Trưởng phòng tài chính Thị xã và được bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc Sở tài chính tỉnh Tây Ninh.

Với những kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt huyết, sau khi nghỉ hưu Bà đã được Hội đồng quản trị SBT tín nhiệm và mời tham gia vào Ban Tổng giám đốc từ năm 2010, nắm giữ vị trí quan trọng là Giám đốc Tài chính.

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
**Giới thiệu Ban Điều hành**

**Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành**

**Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG**  
Giám đốc Nhà máy

Tốt nghiệp Kỹ Sư, khoa Hoá thực phẩm Đại học Bách Khoa Tp. HCM, tốt nghiệp MBA tại Đức về Tư vấn quản trị sản xuất. Gia nhập SBT từ năm 1998, Ông Phạm Hồng Dương đã có 14 năm kinh nghiệm trong ngành công nghệ sản xuất đường.

Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhà máy, điều hành đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm cùng công nghệ và hệ thống thiết bị tiên tiến bậc nhất ngành đường Việt Nam.



**Ông TRANG THANH TRÚC**  
Giám đốc Khối Đầu tư –Phát triển.

Tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học kinh tế Tp.HCM chuyên ngành kế toán (1987) và quản trị kinh doanh (1996). Từ năm 1997 đến nay ông Trúc đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường, 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh.

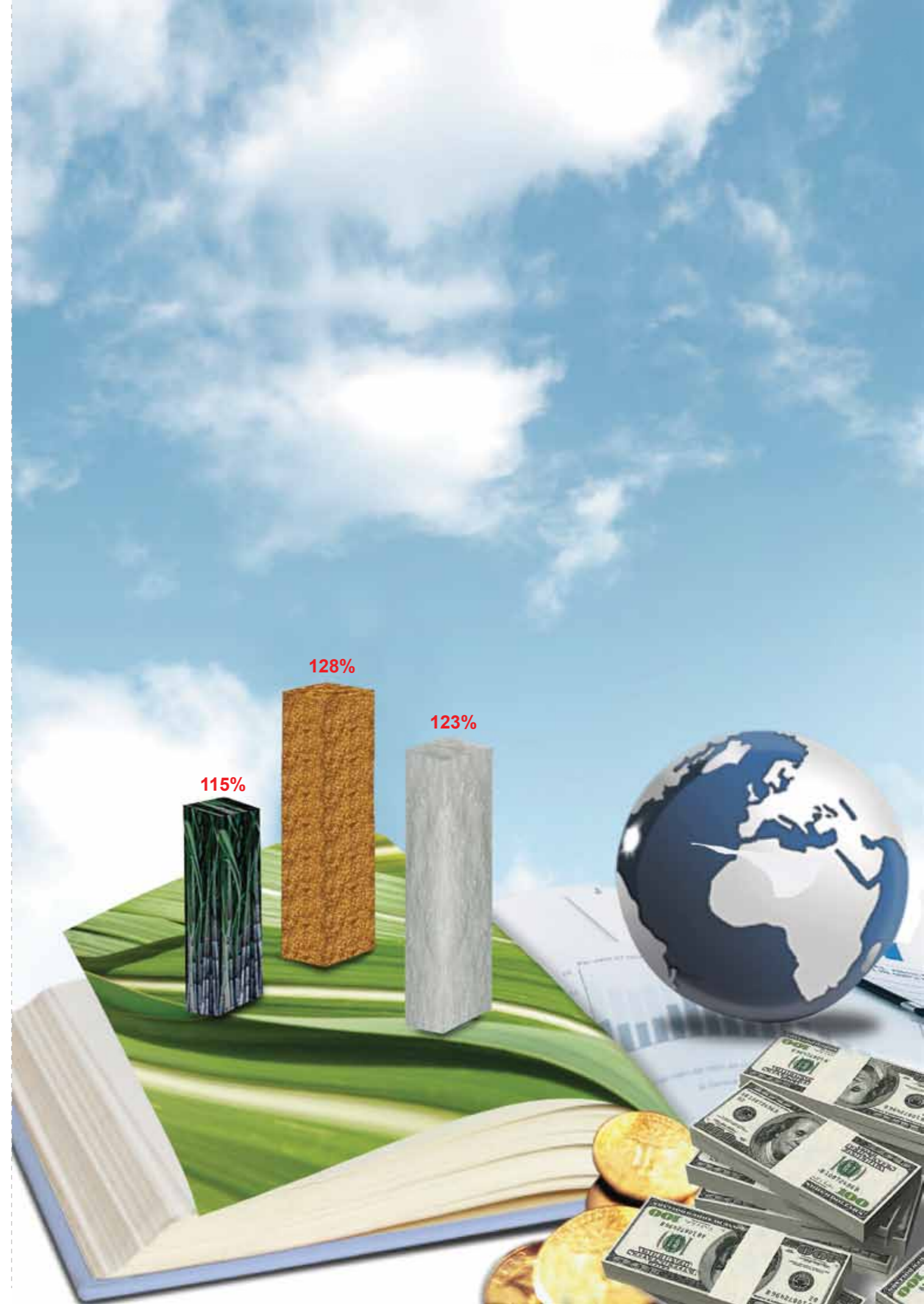
Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm vị trí Giám đốc khối Đầu tư phát triển của SBT.



**Ông KUMARASAMY NALLAIYAN**  
Giám đốc Nông nghiệp

Là Thạc sĩ nông học đến từ Ấn Độ, ông Nallaiyan tham gia vào đội ngũ Lãnh đạo của SBT từ năm 2000. Thông thạo tiếng Anh, tiếng Tamil, tiếng Việt và có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường tại Việt Nam.

Gần gũi, thân thiện và hòa đồng cùng với kiến thức nông học sẵn có đã giúp ông thành công tại vị trí Giám đốc nông nghiệp - một vị trí đầy thử thách trong ngành mía đường.



**Báo cáo hoạt động****Báo cáo của Ban điều hành**

Báo cáo của Hội đồng quản trị  
Báo cáo của Ban kiểm soát  
Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011

**Báo cáo của Ban Điều hành****PHẦN 1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011****1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Năm 2011, Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó dưới sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Kết quả thực hiện theo chi tiết như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt
1	Sản lượng mía ép	Tấn	800.000	917.742	115%
2	Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	17.000	21.788	128%
3	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	80.000	98.490	123%
4	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	1.600	2.186,71	137%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	400	570,98	143%
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	370	552,98	149%

- Năm 2011, sản phẩm chủ lực của SBT vẫn là sản phẩm đường tinh luyện RE, cung cấp chính cho khách hàng công nghiệp (thương hiệu Mimosa), và một phần cho người tiêu dùng (thương hiệu BonSu, GoldSu). Thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, năm 2011 SBT đã cho ra đời sản phẩm ĐƯỜNG VÀNG THIÊN NHIÊN mang thương hiệu GOLDSU với bao bì 750g, kiểu dáng độc đáo, hiện đại và đẳng cấp. Sản phẩm đã góp phần làm phong phú hơn dòng sản phẩm đường túi của Công ty, tăng sự chọn lựa của khách hàng. Riêng sản phẩm đường tinh luyện Siêu Sạch mang thương hiệu BONSU, SBT đã củng cố và phát huy thế mạnh của nhà phân phối, mang sản phẩm BonSu đến với người tiêu dùng qua hệ thống các siêu thị lớn trong cả nước. BonSu siêu sạch đã được khách hàng tin tưởng và tiêu dùng ngày càng cao hơn, mức độ nhận dạng thương hiệu tăng, tăng doanh số bán so với năm 2010.

- Năm 2011 là năm đầu tiên SBT quyết định thực hiện việc nhập đường thô sản xuất hàng xuất khẩu nhằm từng bước khẳng định khả năng tiếp cận thị trường khu vực Đông Nam Á, làm nền tảng để tăng cường khả năng cạnh tranh khi Nhà Nước bãi bỏ thuế suất đối với sản xuất đường trong các năm tới, khẳng định vị thế cạnh tranh và hội nhập của mình.

- Nhằm cơ cấu danh mục đầu tư, trong 6 tháng đầu năm 2011 Công ty đã thanh lý 513.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (mã chứng khoán HAG) và 500.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bia- Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco). Và thực hiện đầu tư tài chính các mã chứng khoán STB (số lượng: 7.500.000 cổ phiếu), SCR (4.000.000 cổ phiếu).

- Ngoài ra, nhằm từng bước triển khai đầu tư mua cổ phần của Các công ty đường cùng ngành, tăng tính liên kết và lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Năm 2011 Công ty đã thực hiện mua 6.815.148 cổ phiếu Công ty



Thành viên Ban Điều hành

cổ phần đường Biên Hòa, chiếm tỷ lệ 22,72% tổng số cổ phiếu phát hành.

- Trong năm 2011, thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, Công ty chủ động mua cổ phiếu quỹ, góp phần ổn định giá cổ phiếu SBT trên thị trường, tăng giá trị đầu tư cho cổ đông, kết quả đã mua 13.326.530 cổ phiếu quỹ với số tiền là 167,2 tỷ đồng.

- Theo thông báo chốt danh sách tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011, Hội đồng quản trị đã đính kèm thông báo tổ chức Đại hội cổ đông bất thường nhằm mục đích trình phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi. Tuy nhiên, do trong quá trình đàm phán với đối tác, một số điều khoản ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông. Vì vậy Hội đồng quản trị đã quyết định hủy hợp tác và thông báo hủy tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2011 như đã dự kiến.

**2. Tình hình đầu tư phát triển:****2.1 Nông nghiệp:**

- Xác định nguyên liệu mía là yếu tố quyết định đến sự sống còn của Nhà máy, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tập trung phát triển nguồn nguyên liệu mía tại tỉnh Tây Ninh với chính sách đầu tư và chính sách thu

mua mía phù hợp để có thể cạnh tranh với các cây trồng khác về hiệu quả là cao su, mì. Năm 2011, công ty đã mạnh dạn hỗ trợ đầu tư cho nông dân trồng mía từ là 9.000.000 đồng/ha để khuyến khích họ gắn bó với cây mía, kết quả là Công ty đã duy trì được diện tích 12.000 ha mía cho vụ năm 2011 – 2012. Chính sách trên đã được nông dân chấp thuận nhiều trong năm 2011. Công ty đã tiếp tục đầu tư và nâng diện tích lên đạt 15.000 ha mía cho vụ thu hoạch 2012 – 2013. Đây là kết quả đầy phấn khởi để công ty có điều kiện nâng công suất nhà máy từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày cho vụ ép 2012 – 2013.

- Năm 2011 Công ty được sự hỗ trợ của tỉnh Tây Ninh trong việc tiếp nhận gần 300 ha đất của Công ty TNHH Nông Công Nghiệp Tam Hiệp, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và đã nhanh chóng xây dựng Trại mía giống Bourbon Bến Cầu. Công ty đã đưa vào trồng mới toàn bộ diện tích với mô hình kiểu mẫu cho việc cơ giới hóa từ khâu trồng đến chăm sóc và thu hoạch mía, cung cấp mía giống cho nguồn nguyên liệu của Công ty và đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất trong thời gian tới.

- Quan tâm hỗ trợ cho người nông dân trong khâu thu hoạch mía, Công ty đã đầu tư 12 máy bóc mía giúp cho nông dân giảm bớt khó khăn trong khâu thu hoạch mía,

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
Báo cáo của Hội đồng quản trị  
Báo cáo của Ban kiểm soát  
Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011

**Báo cáo của Ban Điều hành**

(tiếp theo)

giảm chi phí đồn chặt, tăng chất lượng mía khi đưa về nhà máy do giảm thời gian bốc. Chủ trương này đã được nông dân ủng hộ và Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm cho bà con nông dân để giúp họ cơ giới hóa khâu thu hoạch mía.

**2.2 Công nghiệp:**

Trước định hướng mở rộng vùng nguyên liệu mía, chuẩn bị từng bước cho việc nâng công suất nhà máy lên 9.800 tấn mía/ngày. Năm 2011 công ty đã nâng công suất nhà máy từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án được triển khai thực hiện bằng chính đội ngũ kỹ sư của SBT, giảm được 20% tổng chi phí đầu tư dự kiến. Dự án đã hoàn tất đúng tiến độ và được đưa vào hoạt động ngay trong vụ sản xuất 2011-2012, góp phần tăng sản lượng mía ép, rút ngắn thời gian sản xuất trong vụ, giảm áp lực thu hoạch. Đây là thành quả

**3. Tình hình nhân sự:**

- Định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức rà soát định biên nhân sự, phân bổ lại nhân sự và cập nhật sơ đồ tổ chức phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Theo nhu cầu phát triển, năm 2011 Công ty bổ sung Khối Đầu tư phát triển vào sơ đồ tổ chức. Khối Đầu tư phát triển có chức năng nghiên cứu, hoạch định, triển khai và theo dõi các kế hoạch đầu tư và các dự án lớn tại Công ty.

- Tổng số lao động của công ty đến ngày 31/12/2011 là 741 nhân viên. Trong đó 467 biên chế và 274 thời vụ. Mức lương bình quân: 5.600.000 đồng/người.

chứng minh đội ngũ kỹ sư SBT đã tiếp quản và vận hành nhà máy có công suất lớn nhất Việt Nam, hoàn tất quá trình chuyển giao công nghệ từ Tập đoàn Pháp.

**2.3 Các dự án khác:**

Ngày 25/11/2011 SBT đã chính thức tổ chức Lễ khởi công dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh. Dự án được phân kỳ đầu tư thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 xây dựng 2 block gồm Block A: khối văn phòng cho thuê, dự kiến tổng vốn đầu tư khoảng 80 tỷ đồng, dự án hoàn tất vào khoảng giữa năm 2013 và Block C: xây dựng khu phức hợp: siêu thị, nhà hàng, tiệc cưới. Giai đoạn 2 xây dựng block B - khu khách sạn.

**PHẦN 2. KẾ HOẠCH NĂM 2012****1. Một số nhiệm vụ chính trong năm 2012:****1.1 Nông nghiệp:**

- Dựa trên Quy hoạch của UBND tỉnh Tây Ninh, Công ty triển khai duy trì vùng nguyên liệu hiện có và mở rộng diện tích vùng nguyên liệu tiềm năng trong và ngoài Tỉnh.

- Nâng cao công tác khuyến nông nhằm cải thiện năng suất, chất lượng mía. Phối hợp với Viện mía đường Bến Cát, Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Tây Ninh, cùng các cơ quan ban ngành có liên quan tìm chọn các loại giống mía có chất lượng đường và năng suất cao, ít sâu bệnh và phù hợp với thổ nhưỡng tại Tây Ninh.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư máy móc thiết bị (máy bóc mía) phục vụ cho việc cơ giới hóa khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Định hướng cho bà con nông dân cơ giới hóa dần khâu trồng, chăm sóc, thu hoạch mía, giảm chi phí đầu tư và thu hoạch, góp phần tăng lợi nhuận trên 1 ha mía.

**1.2 Công nghiệp:**

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày.

- Hoàn chỉnh chương trình SmartLab nhằm hỗ trợ theo dõi kết quả sản xuất, kết quả thực hiện chỉ tiêu vụ, truy xuất báo cáo kịp thời tại từng thời điểm.

- Lập dự án đầu tư dây chuyền sản xuất cồn nhiên liệu công suất 15.000.000 lít/năm.

**1.3 Nhân sự:**

- Tăng cường công tác tuyển dụng chuẩn bị nhân sự cho kế hoạch mở rộng vùng nguyên liệu mía và nâng công suất nhà máy.

- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ kỹ sư nông nghiệp, nhà máy.

- Đào tạo nguồn nhân lực trẻ kế thừa. Nâng cao trình độ quản trị cho đội ngũ quản lý.

**1.4 Thương mại:**

- Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa sản phẩm tăng sự chọn lựa cho khách hàng và làm phong phú hơn dòng sản phẩm đường tinh luyện cao cấp của SBT.

- Tiếp tục nhập đường thô sản xuất hàng xuất khẩu.

**1.5 Các nhiệm vụ khác:**

- Tiếp tục triển khai dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Tập trung tìm đối tác chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Bourbon An Hòa. Thu hồi vốn, tập trung đầu tư và phát triển lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính là mía đường.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ CHỦ

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**  
 Báo cáo của Ban kiểm soát  
 Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Năm 2011, kinh tế thế giới vẫn còn tiếp tục bất ổn, Châu Âu vẫn chìm trong khủng hoảng nợ công và đã lan rộng ra đến Mỹ và Trung quốc với tốc độ chậm. Nước Nhật vẫn chưa phục hồi sau động đất và sóng thần hồi đầu năm. Lạm phát tăng cao ở nhiều nơi, giá vàng thế giới tăng kỷ lục, thị trường chứng khoán giảm điểm sâu, tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao.

Tại Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP cả năm 2011 đạt 5,89%. Tình hình lạm phát, lãi suất tăng cao đã ảnh hưởng mạnh mẽ và toàn diện đến hầu hết các doanh nghiệp và đời sống của người dân.

Năm 2011, trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, với trách nhiệm là Cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn, như sau:

**1. Hoạt động của HĐQT**

Năm 2011, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp thường kỳ và 07 phiên họp đột xuất để đưa ra các chủ trương, định hướng và giải pháp kịp thời giúp Công ty hoạt động hiệu quả.

Quá trình thực hiện mục tiêu năm 2011, HĐQT luôn tập trung chỉ đạo xuyên suốt kế hoạch nguyên liệu, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính sống còn của Công ty. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Hoàn thiện sơ đồ tổ chức Công ty, thành lập thêm Khối Đầu tư phát triển và một số phòng ban, xây dựng lại hệ thống phân công, phân nhiệm và ủy quyền để tăng cường hệ thống quản lý. Đề ra các chủ trương về công tác tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực và chính sách nhân sự để TGD hoàn thiện và cải tiến tốt hơn.

- Về lĩnh vực đầu tư: Giám sát chi phí đầu tư dự án nâng công suất Nhà máy lên 9.000 TMN, giảm chi phí đầu tư khoảng 20% so với dự toán. Việc tiến hành khởi công Dự án Espace Bourbon Tây Ninh, tổ chức hoạt động Dự án Tam Hiệp (Bourbon Bến Cầu), chuẩn bị Dự án nâng công suất nhà máy lên 9.800 TMN, từng bước xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển giai đoạn 2012 – 2016 nhằm đảm bảo mục tiêu kinh doanh.

- Về lĩnh vực Nông nghiệp: Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để tăng diện tích, tỷ trọng cơ giới hóa, năng suất và chữ đường cho toàn vùng mía nhằm đảm bảo nhu cầu, tiêu chuẩn nguyên liệu và nâng cao thu nhập của người dân trồng mía. Giám sát công tác đầu tư và thu hồi công nợ nguyên liệu.

- Mặt khác, HĐQT đã coi trọng việc xây dựng và thực thi chính sách kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ - chính sách và công cụ quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh và đầu tư.

Nhìn chung, năm 2011 HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt và toàn diện các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tạo nên thành quả hoạt động kinh doanh rất ấn tượng với mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ. HĐQT quản trị nhận thấy hoạt động của Công ty ngày càng phát triển ổn định. Hiệu quả hoạt động kinh doanh ngày càng cao.

Tuy nhiên, HĐQT cũng nhìn thấy những mặt chưa đủ mạnh so với nhu cầu phát triển và hội nhập. Từ đó, đề ra các giải pháp khắc phục để khai thác thế mạnh và tiềm năng của SBT.

Năm qua, do không thỏa thuận được với đối tác nên chủ trương phát hành trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010 chưa thực hiện.



Thành viên Hội đồng Quản trị

**2. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành**

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ hàng tháng, Ban TGD thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, có những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Năm 2011, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao phó dưới sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, và đã hoàn thành kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ về sản xuất và môi trường.

Ban Tổng giám đốc cũng có những chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động.

Với sự lãnh đạo tập trung và xuyên suốt của HĐQT, Công ty CP Bourbon Tây Ninh đã phấn đấu hoàn thành hầu như toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 với nhịp độ tăng trưởng cao.

- Tổng sản lượng mía ép cả năm đạt 917.742 tấn, so kế hoạch đạt 115 %.

- Đường thô nguyên liệu đạt 21.788 tấn, so kế hoạch đạt 128 %.

- Sản lượng đường tiêu thụ đạt 98.490 tấn, so kế hoạch đạt 123 %.

- Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 2.186,71 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 137 %.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 570,98 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 143 %.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 553 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 149 %.

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
**Báo cáo của Hội đồng quản trị**  
 Báo cáo của Ban kiểm soát  
 Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

(tiếp theo)

**3. Tình hình chi trả thù lao năm 2011**

Công ty tiến hành chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua.

Tổng số tiền thù lao thuần đã chi trong năm 2011 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Số tiền (triệu đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	234,0
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	12	174,0
3	Thành viên HĐQT	4	12	358,0
4	Trưởng Ban Kiểm soát	1	12	102,8
5	Thành viên BKS	2	12	126,6
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>995,4</b>

**4. Tình hình nhân sự**

Trong tháng 7/2011 (ngày 23/07/2011), có 01 thành viên HĐQT là Ông Philippe LOMBARD, xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

Đồng thời, để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát và kịp thời, HĐQT quyết định bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT thay thế cho ông Philippe LOMBARD là Bà Đặng Huỳnh Úc My (bổ nhiệm ngày 11/01/2012).

**5. Kế hoạch của HĐQT năm 2012**

Trong năm 2012, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động, như sau:

- Tăng cường công tác giám sát kế hoạch để có những chỉ đạo kịp thời cho việc thực hiện kế hoạch 2012.

- Tập trung công tác phát triển vùng nguyên liệu cả về số lượng và chất lượng. Triển khai các giải pháp nhằm phát triển mía giống, tập trung công tác khuyến nông để kéo dài thời gian sản xuất, nâng cao chất lượng và diện tích vùng mía nguyên liệu, tạo tiền đề cho việc triển khai kế hoạch giai đoạn 2012-2016. Xây dựng các chính sách đầu tư, thu mua hợp lý, quán triệt quan điểm SBT luôn là người bạn đồng hành người trồng mía, duy trì mối quan hệ lâu dài giữa đôi bên.

- Chỉ đạo công tác nâng công suất nhà máy từ 9.000 TMN lên 9.800TMN đạt tiến độ và chất lượng công trình; tạo nền tảng nâng công suất nhà máy lên cao hơn nữa trong tương lai vì sự phát triển chung của SBT.

- Mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược nhằm khai thác, phát triển tiềm năng và lợi thế của SBT.

- Tập trung tăng cường nguồn lực nhân sự, cải tiến cơ chế, bổ sung chính sách và hoàn thiện hệ thống quản lý. Trong đó: Chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa.

- Tăng cường giám sát hoạt động đầu tư xây dựng Dự án Trung tâm thương mại và hoạt động Trại Mía giống Bourbon Bến Cầu.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Với mục tiêu, giải pháp chủ yếu nêu trên, HĐQT chúng tôi tin rằng SBT hoàn toàn có khả năng hoàn thành tốt nhất kế hoạch năm 2012 và triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng cho thời kỳ 2012 – 2016.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 CHỦ TỊCH

HUỲNH BÍCH NGỌC



**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
 Báo cáo của Hội đồng quản trị  
**Báo cáo của Ban kiểm soát**  
 Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011

**Báo cáo của Ban Kiểm soát****Kính thưa Đại hội**

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty;
  - Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Ernst & Young VN
- Thay mặt Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, tôi xin báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2011 như sau:

**PHẦN I – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT****I. Nội dung hoạt động năm 2011:**

Căn cứ vào chương trình công tác năm 2011, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung như sau:

**a. Kiểm tra tính tuân thủ:**

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước, chính sách, chế độ tài chính, kế toán, Điều lệ của Cty và tình hình chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị, của Ban Tổng Giám đốc.
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định về nguyên tắc, quy trình nghiệp vụ, thủ tục quản lý của toàn bộ cũng như từng giai đoạn công việc, của từng biện pháp trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

**b. Kiểm soát hoạt động:**

- Kiểm tra mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, các mục tiêu đã được đề ra và tính hiệu quả công việc thông qua việc soát xét kết quả hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhất với chi phí thấp nhất.
- Xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của Cty, nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó góp ý trong công tác quản trị, điều hành và đề xuất các biện pháp hạn chế rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Cty.

**c. Kiểm tra báo cáo tài chính:**

- Kiểm tra từ khâu lập hóa đơn, chứng từ và các bộ hồ sơ liên quan, phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo theo yêu cầu quản lý cho đến việc lưu trữ tài liệu kế toán ... qua đó xác nhận về tính trung thực và hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính.

**II. Chương trình công tác:**

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát được quy định tại Điều 8 của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Cty cổ phần Bourbon Tây Ninh, Ban Kiểm soát đã đề ra chương trình công tác năm 2011 với những nội dung như sau:

- Xem xét mức phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Cty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp Luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Cty; Kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép chứng từ, sổ sách kế toán và các hợp đồng kinh tế của Cty;

- Kiểm soát chi phí, doanh thu để hoạt động của Cty đạt được hiệu quả; bên cạnh đó kiểm tra tính hiệu quả và an toàn trong việc sử dụng vốn của các khoản mục đầu tư, tính khả thi của từng khoản mục đầu tư nông nghiệp;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án đầu tư mở rộng và nâng cao năng suất nhà máy từ 8.000 TMN lên 9.000 TMN.

**PHẦN II – THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011****I. Kết quả kinh doanh năm 2011**

Căn cứ vào quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 37 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cty cổ phần Bourbon Tây Ninh.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Cty trong năm tài chính 2011 và thống nhất số liệu sau:

Báo cáo tài chính năm 2011 của Cty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về Hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành về Chế độ kế toán Việt Nam;

Các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được thể hiện rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Cty tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011 đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

ĐVT: Tỷ đồng

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>2011</b>	<b>2010</b>	<b>Chênh lệch</b>	<b>%</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>2.322,96</b>	<b>1.956,88</b>	<b>366,08</b>	<b>118,71</b>
- Tài sản ngắn hạn	1.008,81	886,48	122,33	113,80
- Tài sản dài hạn	1.314,15	1.070,40	243,75	122,77
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.322,96</b>	<b>1.956,88</b>	<b>366,08</b>	<b>118,71</b>
- Nợ phải trả	528,80	167,28	361,52	316,12
- Vốn chủ sở hữu	1.794,16	1.789,60	4,56	100,25

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo của Ban Điều hành  
**Báo cáo của Ban Kiểm soát**

**Báo cáo của Ban Kiểm soát**

(tiếp theo)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	%
<b>SẢN LƯỢNG</b>				
1. Sản lượng mía ép	Tấn	917.742	800.000	114,72
2. Sản lượng đường thô nguyên liệu	Tấn	21.788	17.000	128,16
3. Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	98.490	80.000	123,11
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	2.186,71	1.600	136,67
Tổng chi phí xác định KQKD	Tỷ đồng	1.615,73	1.200	134,64
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	570,98	400	142,75
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	Tỷ đồng	552,98	370	149,45

**II. Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành**

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đã kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quyết định chiến lược và linh hoạt trong việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động của Cty.

- Chính sách nhân sự luôn được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Cty quan tâm, thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên ngành cũng như tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, nhân viên tham dự các lớp học về nghiệp vụ chuyên môn;

**III. Kiến nghị**

1. Từ các nhận định về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2011, Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội thông qua báo cáo tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2011;

2. Để Cty ngày càng phát triển và ổn định, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình quản trị và điều hành, Ban Kiểm soát có một số đề nghị như sau:

(a). Định mức tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất thông qua chính sách tiết kiệm và tiêu hao ở mức thấp

nhất đã được đơn vị thực hiện nghiêm túc và thường xuyên cần được phát huy và nâng cao trong năm 2012. Quan tâm hơn nữa đối với công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tuyển dụng và tổ chức nhân sự kế thừa;

(b). Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban thông qua công tác tái cấu trúc, hoàn chỉnh cơ chế nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, khuyến khích sản xuất nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời kiểm soát tốt các rủi ro trong quá trình sản xuất và hoạt động kinh doanh của Cty;

(c). Cty cần quan tâm hơn nữa trong công tác đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu mía bằng các giải pháp thiết thực phù hợp với quy hoạch, thổ nhưỡng của từng vùng, từng địa phương mà Cty quyết định đầu tư cây mía nguyên liệu;

(d). Nâng cao hơn nữa công tác tổ chức và tạo điều kiện cho Trại Mía giống phát huy vai trò tiên phong trong việc cung ứng các giống mía có năng suất và chất lượng tốt. Thường xuyên phổ biến các kiến thức và áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới giúp người trồng mía vững tin trong việc trồng cây mía và đạt hiệu quả cao nhất

(d). Trong năm 2011 công tác dự báo hoạt động thương mại, cân đối dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản đã được thực hiện khá tốt, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh, trong năm 2012 cần tiếp tục làm tốt công tác này ở mức độ cao hơn, nhanh hơn ... Tiếp tục phát triển mạng lưới kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh và không ngừng đẩy mạnh thương hiệu Bourbon luôn dẫn đầu trong ngành đường.

Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông tin nhiệm giao phó. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Các Phòng ban nghiệp vụ, Phòng ban chức năng của Cty đã tạo điều kiện tốt nhất cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ của mình.

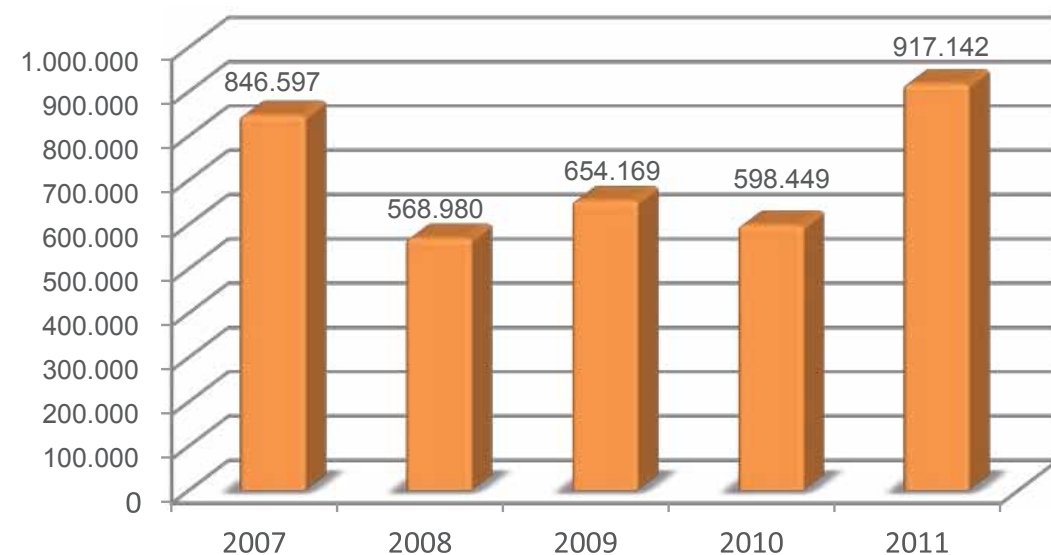
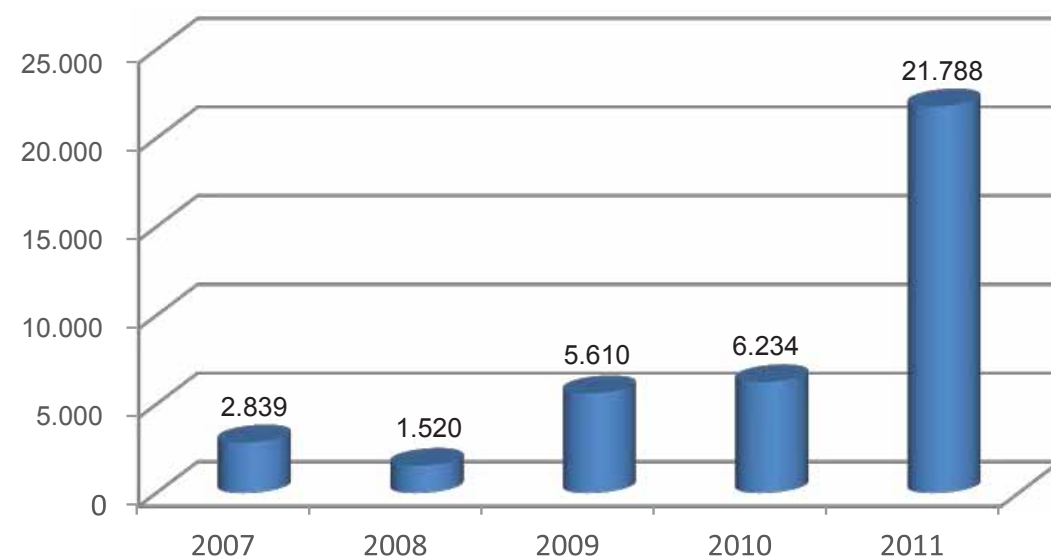
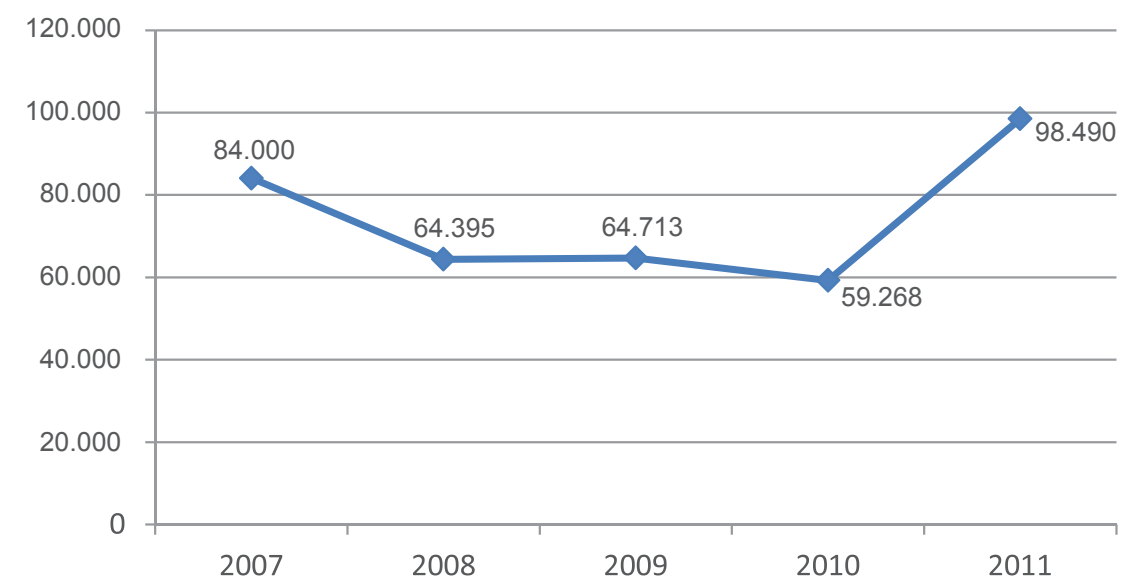
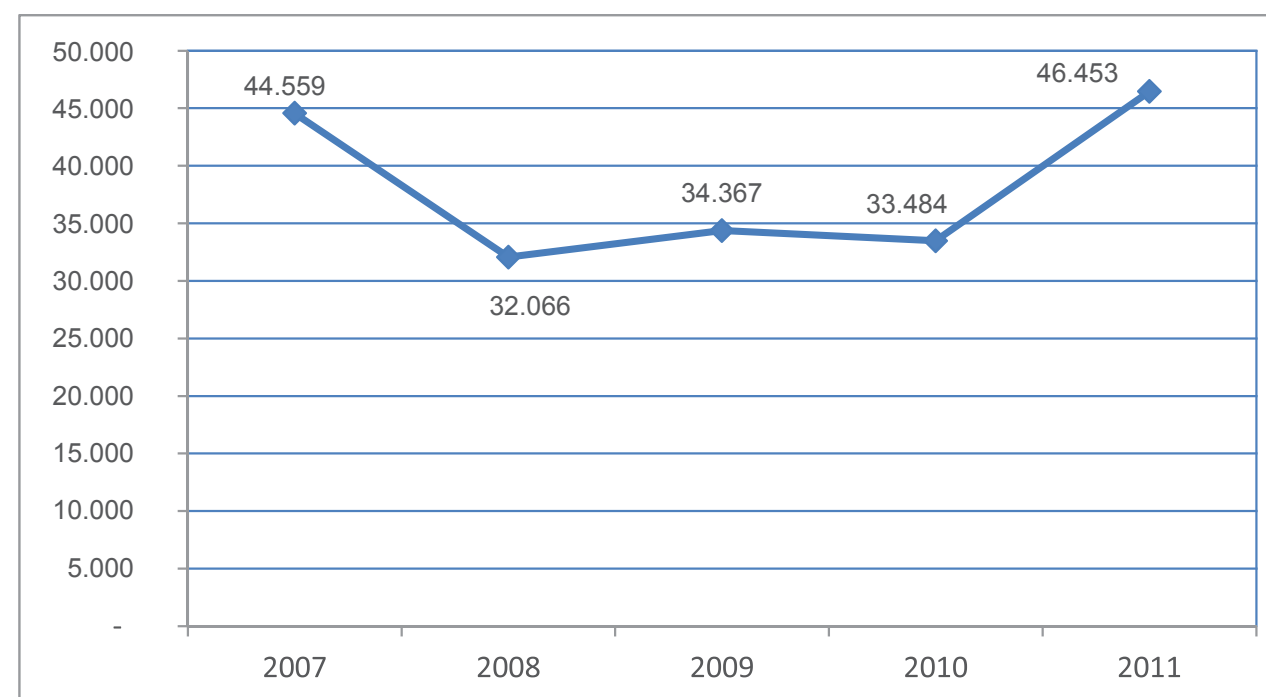
TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

**LÂM MINH CHÂU**

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
 Báo cáo của Ban Điều hành  
 Báo cáo của Ban Kiểm soát  
**Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011**

**Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011****I. Kết quả đầu tư nguyên liệu đầu vào cho sản xuất:****Sản lượng mía ép (Tấn)****Sản lượng đường thô nguyên liệu (Tấn)****II. Sản lượng đường tiêu thụ:****Sản lượng đường tiêu thụ (Tấn)****III. Sản lượng điện phát lên lưới EVN (Đvt: Mwh)**

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
 Báo cáo của Ban Điều hành  
 Báo cáo của Ban Kiểm soát  
**Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011**

**Báo cáo kết quả thực hiện từ 2007-2011**

(tiếp theo)

ĐVT: triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1.	<b>Tổng doanh thu</b>	674.345	563.323	771.807	1.105.797	2.052.983
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	(73)	(517)	(1.189)	(1.545)	(2.678)
3.	Doanh thu thuần	674.272	562.805	770.617	1.104.252	2.050.306
4.	<b>Giá vốn hàng bán</b>	(495.247)	(447.551)	(567.746)	(720.466)	(1.446.937)
5.	Lợi nhuận gộp	179.025	115.255	202.871	383.786	603.369
6.	Doanh thu hoạch động tài chính	43.652	56.995	31.830	54.492	128.916
7.	Chi phí tài chính	(1.734)	(53.488)	21.477	(25.295)	(99.596)
	- Trong đó: lãi vay	(1.479)	(1.954)	(7.706)	(19.966)	(48.666)
8.	Chi phí bán hàng	(14.986)	(15.295)	(14.677)	(16.876)	(25.352)
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.930)	(19.489)	(18.772)	(26.214)	(38.387)
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	191.028	83.978	222.728	369.893	568.950
11.	Thu nhập khác	574	607	4.851	1.438	7.493
12.	Chi phí khác	(280)	(233)	(1.678)	(972)	(5.456)
13.	Lợi nhuận khác	293	373	3.173	466	2.037
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	191.321	84.351	225.901	370.360	570.986
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(2.827)	(15.884)	(25.128)	(24.031)
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	6.031
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	191.321	81.524	210.017	345.232	552.987

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN ĐIỀU HÀNH**

**Báo cáo tài chính****Thông tin chung**

Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh báo cáo tài chính

**Thông tin chung****CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận Đầu tư Điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số	Ngày
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 1	17 tháng 04 năm 2007
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 2	27 tháng 08 năm 2007
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 3	07 tháng 05 năm 2008
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 4	04 tháng 06 năm 2008
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 5	12 tháng 10 năm 2010
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 6	12 tháng 11 năm 2010
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 7	31 tháng 12 năm 2010
451031000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 8	09 tháng 05 năm 2011

Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh trước đây là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp, và sau đó chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, Tỉnh Réunion, Cộng hòa Pháp thành lập, theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22 tháng 5 năm 2000.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường, điện, trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Huỳnh Bích Ngọc	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Thành viên	
Ông Philippe Lombard	Thành viên	Từ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	

**BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lâm Minh Châu	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2011
Ông Khổng Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát	Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2011
Ông Võ Văn Hai	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2011
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2011

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bá Chủ	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hồng Dương	Giám đốc nhà máy	
Ông Kumarasamy Nallaiyan	Giám đốc nông nghiệp	
Bà Trương Thị Hồng	Giám đốc tài chính	
Bà Dương Thị Tô Châu	Giám đốc thương mại	
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc đầu tư - phát triển	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2011

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Huỳnh Bích Ngọc.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- » lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:

TỔNG GIÁM ĐỐC



**NGUYỄN BÁ CHỦ**

Ngày 15 tháng 3 năm 2012

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
**Báo cáo kiểm toán độc lập**  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo Kiểm toán Độc lập****Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) được trình bày bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 3 năm 2011, đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính đó.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



**Ernst & Young Vietnam Ltd.**  
 Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viết Hùng Trân  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Ngày 15 tháng 3 năm 2012



Bùi Xuân Vinh  
 Kiểm toán viên  
 Chứng chỉ KTV số: 0842/KTV

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
**Bảng cân đối kế toán**  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

## Bảng cân đối kế toán

ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.008.807.585.891</b>	<b>886.480.673.897</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>88.725.909.901</b>	<b>126.499.741.314</b>
111	1. Tiền		68.725.909.901	5.075.417.870
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	121.424.323.444
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>124.965.512.471</b>	<b>187.461.445.364</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		137.329.389.791	211.473.644.942
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(12.363.877.320)	(24.012.199.578)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>511.999.070.480</b>	<b>274.224.373.622</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	180.726.157.576	81.021.981.344
132	2. Trả trước cho người bán	7	93.512.540.679	21.683.629.404
135	3. Các khoản phải thu khác	8	238.040.363.820	171.998.988.117
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(279.991.595)	(480.225.243)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>280.342.522.032</b>	<b>291.790.981.851</b>
141	1. Hàng tồn kho		280.585.078.919	296.052.057.500
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(242.556.887)	(4.261.075.649)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.774.571.007</b>	<b>6.504.131.746</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		70.400.000	74.500.000
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		2.704.171.007	6.429.631.746

VNĐ

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.314.154.652.873</b>	<b>1.070.401.397.169</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>652.896.228.436</b>	<b>685.438.822.362</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	572.696.054.745	624.116.789.778
222	Nguyên giá		1.567.028.535.911	1.543.504.820.477
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(994.332.481.166)	(919.388.030.699)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	43.370.687.586	43.587.786.837
228	Nguyên giá		50.462.084.019	47.830.886.804
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(7.091.396.433)	(4.243.099.967)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	36.829.486.105	17.734.245.747
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>555.089.366.885</b>	<b>284.810.439.217</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.1	374.530.737.123	249.800.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		222.792.324.644	38.982.202.501
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(42.233.694.882)	(3.971.763.284)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.169.057.552</b>	<b>152.135.590</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	6.031.009.252	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		138.048.300	152.135.590
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.322.962.238.764</b>	<b>1.956.882.071.066</b>

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
**Bảng cân đối kế toán**  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Bảng cân đối kế toán**

ngày 31 tháng 12 năm 2011

VNĐ				
Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>528.800.476.731</b>	<b>167.279.415.106</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>504.293.203.731</b>	<b>140.984.372.606</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	327.358.035.686	2.386.342.000
312	2. Phải trả người bán	16	72.356.374.938	44.861.096.853
313	3. Người mua trả tiền trước	17	29.003.589.245	32.703.795.939
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.269.723.234	21.820.874.914
315	5. Phải trả người lao động		120.004.714	4.447.249.330
316	6. Chi phí phải trả	19	36.537.488.645	20.657.390.504
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	19.188.763.036	13.554.781.827
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.459.224.234	552.841.239
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>24.507.273.000</b>	<b>26.295.042.500</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	21	18.342.563.000	20.283.905.000
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		6.164.710.000	6.011.137.500
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.794.161.762.033</b>	<b>1.789.602.655.960</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>1.794.161.762.033</b>	<b>1.789.602.655.960</b>
411	1. Vốn cổ phần		1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
414	2. Cổ phiếu quỹ		(139.395.212.895)	(5.540.477.288)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.786.442.297	4.936.442.297
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		41.404.742.255	24.143.137.255
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		468.107.790.376	346.805.553.696
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.322.962.238.764</b>	<b>1.956.882.071.066</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

VNĐ		
Chỉ Tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Hàng hóa nhận gia công (kg)	1.921.902	1.913.150
2. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	4.874.675.042	4.913.651.663
3. Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$)	94.533	11.793



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

				VNĐ	
Mã số	Chi Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.052.983.452.900	1.105.796.529.066	
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(2.677.734.927)	(1.544.616.185)	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.050.305.717.973	1.104.251.912.881	
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2	(1.446.936.820.298)	(720.465.646.112)	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		603.368.897.675	383.786.266.769	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24,27	128.915.675.089	54.492.212.003	
22	7. Chi phí tài chính	23.2	(99.596.419.764)	(25.295.081.168)	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(48.666.079.483)	(19.966.300.958)	
24	8. Chi phí bán hàng	27	(25.351.501.888)	(16.875.766.312)	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(38.387.005.167)	(26.214.431.140)	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		568.949.645.945	369.893.200.152	
31	11. Thu nhập khác	26	7.492.907.226	1.437.980.296	
32	12. Chi phí khác	26	(5.456.192.196)	(971.560.390)	
40	13. Lợi nhuận khác		2.036.715.030	466.419.906	
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		570.986.360.975	370.359.620.058	
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(24.030.801.680)	(25.127.528.863)	
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.1	6.031.009.252	-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		552.986.568.547	345.232.091.195	
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.027	2.444	

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

				VNĐ	
Mã số	Chi Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>570.986.360.975</b>	<b>370.359.620.058</b>	
Điều chỉnh cho các khoản:					
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	11, 12	77.372.853.128	72.761.739.575	
03	Các khoản dự phòng		22.394.856.930	4.269.799.991	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(91.647.274.978)	(54.467.222.540)	
06	Chi phí lãi vay	25	48.666.079.483	19.966.300.958	
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>627.772.875.538</b>	<b>412.890.238.042</b>	
09	Tăng các khoản phải thu		(166.004.245.020)	(32.522.870.141)	
10	Tăng hàng tồn kho		15.466.978.581	7.966.736.671	
11	Giảm các khoản phải trả		67.968.199.037	54.659.098.644	
12	Tăng giảm chi phí trả trước		(6.658.481.402)	11.168.065.537	
13	Tiền lãi vay đã trả		(43.591.651.479)	(20.061.489.849)	
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(31.327.104.828)	(25.723.383.056)	
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		78.626.430.000	1.600.000	
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	28.2	(107.208.164.120)	(14.855.399.044)	
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>435.044.836.307</b>	<b>393.522.596.804</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
22	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(42.048.870.259)	(4.677.301.904)	
23	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		352.409.091	1.234.786.704	
24	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(241.052.484.601)	(875.934.724.421)	
25	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		212.269.515.788	756.148.759.713	
26	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(266.475.831.432)	-	
27	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.765.480.000	68.446.519.886	
	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.234.481.904	25.379.527.741	
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(276.955.299.509)</b>	<b>(29.402.432.281)</b>	

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

				VNĐ
Mã số	Chỉ Tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	Tiền chi trả mua lại cổ phiếu của Công ty đã phát hành	22.1	(133.854.735.607)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.403.328.314.942	376.340.920.400
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.080.297.963.256)	(466.375.958.400)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(385.038.984.290)	(183.795.777.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(195.863.368.211)</b>	<b>(273.830.815.000)</b>
<b>50</b>	<b>Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(37.773.831.413)</b>	<b>90.289.349.523</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	4	<b>126.499.741.314</b>	<b>36.210.391.791</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	4	<b>88.725.909.901</b>	<b>126.499.741.314</b>



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**PHẦN 1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2011****1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:**

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 451033000014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy chứng nhận Đầu tư Điều chỉnh sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số	Ngày
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 1	17 tháng 04 năm 2007
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 2	27 tháng 08 năm 2007
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 3	07 tháng 05 năm 2008
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 4	04 tháng 06 năm 2008
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 5	12 tháng 10 năm 2010
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 6	12 tháng 11 năm 2010
451033000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 7	31 tháng 12 năm 2010
451031000014 – Đăng kí thay đổi lần thứ 8	09 tháng 05 năm 2011

Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh trước đây là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp, và sau đó chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, Tỉnh Réunion, Cộng hòa Pháp thành lập, theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22 tháng 5 năm 2000.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường, điện, trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 741 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 627).

## Báo cáo tài chính

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

# Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY:

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính như được trình bày trong các Thuyết minh số 32 và 33.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Phụ phẩm và phế phẩm (bã mía, mật rỉ, phân vi sinh)	- giá thực tế có thể bán được.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Dự phòng cho hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Đầu tư vào nông dân để trồng mía**

Các khoản đầu tư nông dân thể hiện các khoản cho vay, cấp vốn cho nông dân để trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá.

Dự phòng được lập cho các khoản vay quá hạn như sau:

Khoản vay quá hạn	Mức lập dự phòng
Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	30% khoản nợ quá hạn
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% khoản nợ quá hạn
Từ 2 đến dưới 3 năm	70% khoản nợ quá hạn
Từ 3 năm	100% khoản nợ quá hạn

**3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**3.14 Các khoản dự phòng chung**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty dự tính một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) kỳ trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo	
	CMKTVN số 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.  Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**3.16 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.17 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư và cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

- » Quỹ dự phòng tài chính  
 Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.
- » Quỹ đầu tư và phát triển  
 Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- » Quỹ khen thưởng và phúc lợi  
 Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng  
 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ  
 Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.
- Tiền lãi  
 Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế****Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

**Tài sản tài chính:**

Theo Thông tư số 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính:**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.633.626.029	1.243.409.562
Tiền gửi ngân hàng	67.092.283.872	3.832.008.308
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	121.424.323.444
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.725.909.901</b>	<b>126.499.741.314</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tây Ninh với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất áp dụng 14%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư người trồng mía	136.970.895.584	151.379.476.522
Đầu tư cổ phiếu		
- Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước		
- Giải Khát Sài Gòn	-	35.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	24.714.196.130
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	358.494.207	379.972.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.329.389.791</b>	<b>211.473.644.942</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư chứng khoán	-	(12.503.689.703)
- Đầu tư người trồng mía	(12.363.877.320)	(11.508.509.875)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>124.965.512.471</b>	<b>187.461.445.364</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	180.726.157.576	80.269.401.344
Bên liên quan	-	752.580.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.726.157.576</b>	<b>81.021.981.344</b>

Toàn bộ các khoản phải thu trong năm được đem đi thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15).

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.383.516.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	80.767.148.479	9.203.013.252
Ứng trước cho nông dân	11.361.876.200	12.480.616.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.512.540.679</b>	<b>21.683.629.404</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	193.004.541.665	167.859.572.301
Lãi dự thu từ nông dân	43.703.159.149	-
Phải thu tiền đáo hạn bảo hiểm nhân thọ	725.533.000	1.099.159.600
Phải thu khác	607.130.006	3.040.256.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>238.040.363.820</b>	<b>171.998.988.117</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	57.968.034.089	31.348.489.591
Công cụ, dụng cụ	367.967.223	58.404.832
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.434.395.776	24.623.132.249
Thành phẩm	196.814.681.831	238.051.832.078
Hàng hóa	-	1.970.198.750
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>280.585.078.919</b>	<b>296.052.057.500</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(4.261.075.649)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>280.342.522.032</b>	<b>291.790.981.851</b>

Toàn bộ thành phẩm được đem đi thế chấp trong cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15).

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	100.000.000.000	100.000.000.000

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	274.188.056.452	1.191.209.972.842	12.058.549.037	7.266.395.999	58.781.846.147	1.543.504.820.477
Mua trong năm	-	735.210.926	4.027.780.808	562.760.932	42.000.000	5.367.752.666
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	656.435.372	26.641.387.487	-	-	-	27.297.822.859
Chuyển từ Trung tâm Mía giống	178.031.323	2.171.693.769	-	-	-	2.349.725.092
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.028.298.327)	(463.286.856)	-	-	(11.491.585.183)
Số cuối năm	275.022.523.147	1.209.729.966.697	15.623.042.989	7.829.156.931	58.823.846.147	1.567.028.535.911
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	17.407.321.193	115.202.459.342	5.923.962.468	6.463.531.191	15.147.710.776	160.144.984.970
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số đầu năm	116.605.069.434	737.676.957.437	7.996.391.153	6.660.699.595	50.448.913.080	919.388.030.699
Khấu hao trong năm	9.695.084.392	61.999.675.628	1.443.370.851	337.300.925	2.994.581.793	76.470.013.589
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.080.469.266)	(445.093.856)	-	-	(1.525.563.122)
Số cuối năm	126.300.153.826	798.596.163.799	8.994.668.148	6.998.000.520	53.443.494.873	994.332.481.166
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	157.582.987.018	453.533.015.405	4.062.157.884	605.696.404	8.332.933.067	624.116.789.778
Số cuối năm	148.722.369.321	411.133.802.898	6.628.374.841	831.156.411	5.380.351.274	572.696.054.745
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (Thuyết minh số 15)	148.722.369.321	124.888.182.000				273.610.551.321



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	44.852.557.604	2.978.329.200	47.830.886.804
Chuyển từ Trung tâm Mía giống	2.631.197.215	-	2.631.197.215
Số cuối năm	47.483.754.819	2.978.329.200	50.462.084.019
<b>Giá trị khấu trừ:</b>			
Số đầu năm	2.026.813.964	2.216.286.003	4.243.099.967
Khấu trừ trong năm	2.528.386.184	319.910.282	2.848.296.466
Số cuối năm	4.555.200.148	2.536.196.285	7.091.396.433
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	42.825.743.640	762.043.197	43.587.786.837
Số cuối năm	42.928.554.671	442.132.915	43.370.687.586

Quyền sử dụng đất của nhà máy và của Trung tâm Thương mại Tây Ninh được đem đi thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Nhà máy 9000 tấn	29.561.888.744	-
Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Tây Ninh	5.904.830.663	2.343.374.960
Chi phí phần mềm Oracle EAM	665.917.995	505.518.000
Các hạng mục khác	696.848.703	14.885.352.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.829.486.105</b>	<b>17.734.245.747</b>

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)		
- Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	245.000.000.000	245.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	129.530.737.123	-
Đầu tư liên doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	-	4.800.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 14.2)	136.945.094.309	-
- Đầu tư người trồng mía (Thuyết minh số 14.3)	85.114.403.188	38.249.375.354
- Đầu tư dài hạn khác	732.827.147	732.827.147
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>597.323.061.767</b>	<b>288.782.202.501</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
- Đầu tư vào công ty liên kết	(29.242.987.605)	-
- Đầu tư chứng khoán	(6.950.808.475)	-
- Đầu tư người trồng mía	(6.039.898.802)	(3.971.763.284)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>555.089.366.885</b>	<b>284.810.439.217</b>

**14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Tên đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	22,72%	-

Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900471864 ngày 10 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Ấp An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ cạnh tác cơ giới nông nghiệp.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được đem đi thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 15).

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)**14.2 Đầu tư chứng khoán**

Trong năm 2011, Công ty đã mua 7.500.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và 4.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín với giá trị tương ứng lần lượt là 106.794.285.834 VNĐ và 30.150.808.475 VNĐ.

**14.3 Đầu tư người trồng mía**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuê đất	62.274.855.023	28.478.162.154
Trồng mía	15.948.758.852	9.410.838.200
Khác	6.890.789.313	360.375.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.114.403.188</b>	<b>38.249.375.354</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nông dân	46.046.772.917	37.916.010.741
Phải trả nhà cung cấp	26.309.602.021	6.945.086.112
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.356.374.938</b>	<b>44.861.096.853</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	10.026.299.830	4.500.176.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	8.037.873.583	15.527.792.678
Thuế thu nhập cá nhân	205.549.821	817.905.320
Thuế chuyển giao công nghệ	-	975.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.269.723.234</b>	<b>21.820.874.914</b>

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	324.971.693.686	-
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 21)	2.386.342.000	2.386.342.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>327.358.035.686</b>	<b>2.386.342.000</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	111.977.987.762	6 tháng, kể từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 12 năm 2012	16,50%/ năm	Dây chuyền máy móc thiết bị và đường thành phẩm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	75.000.000.000	6 tháng, kể từ tháng 12 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	15,50% - 17,80%/ năm	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong (Việt Nam)	57.430.000.000	6 tháng, kể từ tháng 12 năm 2011 đến ngày 26 tháng 6 năm 2012	16,50% - 17,00%/ năm	Các khoản phải thu và hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	9 tháng, kể từ ngày 28 tháng 8 đến ngày 26 tháng 9 năm 2012	16,50% - 17,00%/ năm	Nhà kho Bến Kéo; quyền sử dụng đất của nhà máy và của TTTMTây Ninh
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	24.000.000.000	5 tháng, kể từ tháng 12 năm 2011 đến ngày 3 tháng 4 năm 2012	16,50% - 18,00%/ năm	Quyền sử dụng đất của TTTM Tây Ninh và các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	5.000.000.000	6 tháng, đến ngày 29 tháng 6 năm 2012	18,30%/ năm	Các khoản phải thu và hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	1.563.705.924	6 tháng, đến ngày 9 tháng 3 năm 2012	18,30%/ năm	Các khoản phải thu và hàng tồn kho
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>324.971.693.686</b>			

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	951.702.400	16.480.900.000
Bên thứ ba	28.051.886.845	16.222.895.939
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.003.589.245</b>	<b>32.703.795.939</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nông dân	26.986.689.250	18.736.127.800
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.941.409.660	644.270.298
Chi phí lãi vay	5.074.428.004	238.566.566
Lương phép phải trả cho nhân viên	1.227.157.930	542.705.840
Phải trả khác	1.307.803.801	495.720.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.537.488.645</b>	<b>20.657.390.504</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nông dân	16.795.279.245	10.733.554.218
Phải trả Trung tâm mía giống	1.200.000.000	2.473.560.396
Các khoản phải trả, phải nợ ngắn hạn khác	725.944.080	347.667.213
Phải trả cổ tức	467.539.710	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.188.763.035</b>	<b>13.554.781.827</b>

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	20.283.905.000	22.670.247.000
Vay từ ngân hàng	445.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.728.905.000</b>	<b>20.670.247.000</b>
Trong đó:	2.386.342.000	2.386.342.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	18.342.563.000	20.283.905.000
Nợ dài hạn		

**Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:**

Bên cho vay	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Một thành viên Mía đường Tây Ninh	20.283.905.000	20 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2000 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020	4,62% / năm	Không bảo đảm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	445.000.000	5 năm kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2011 đến ngày 29 tháng 12 năm 2016	1,71% cho 3 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và điều chỉnh lãi suất áp dụng	Dây chuyền máy móc, thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.728.905.000</b>			

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND
	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>	
Số đầu năm trước	1.419.258.000.000
Lợi nhuận trong năm	345.232.091.195
Chia cổ tức	(183.619.496.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(13.602.021.828)
Trích quỹ dự phòng tài chính	(10.500.856.405)
Sử dụng quỹ	(350.012.000)
Điều chỉnh khác	(6.391.099.040)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.789.602.655.960</b>
<b>Năm nay</b>	
Số đầu năm nay	1.419.258.000.000
Lợi nhuận trong năm	553.180.184.495
Chia cổ tức	(385.506.524.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(29.109.818.815)
Trích quỹ dự phòng tài chính	(17.261.605.000)
Mua cổ phiếu quỹ	(133.854.735.607)
Sử dụng quỹ	(150.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.794.161.762.033</b>

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**22.2 Vốn cổ phần**

	31 tháng 12 năm 2011			31 tháng 12 năm 2010			VNĐ
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	
Công ty Cổ phần Sản xuất	35.197.600	35.197.600	-	35.197.600	35.197.600	-	
Thương Mại Thành Thành Công							
Công ty TNHH Đặng Thành	35.055.670	35.055.670	-	35.055.670	35.055.670	-	
Bà Nguyễn Thúy Liễu	2.138.730	2.138.730	-	2.138.730	2.138.730	-	
Ông Lê Văn Dĩnh	10.000	10.000	-	10.000	10.000	-	
Cổ đông khác	69.523.800	69.523.800	-	69.523.800	69.523.800	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>141.925.800</b>	<b>141.925.800</b>	<b>-</b>	<b>141.925.800</b>	<b>141.925.800</b>	<b>-</b>	

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
<b>Cổ tức</b>		
- Cổ tức công bố	385.506.524.000	183.619.496.000
- Cổ tức đã chi bằng tiền	385.038.984.290	183.619.496.000

**22.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>141.925.800</b>	<b>141.925.800</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>141.925.800</b>	<b>141.925.800</b>
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	141.925.800	141.925.800
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>(11.344.100)</b>	<b>(673.470)</b>
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ		
Cổ phiếu phổ thông	(11.344.100)	(673.470)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>130.581.700</b>	<b>141.252.330</b>
Cổ phiếu phổ thông	130.581.700	141.252.330

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2010: 10.000 VNĐ)

**23. DOANH THU****23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.052.983.452.900</b>	<b>1.105.796.529.066</b>
Trong đó		
Doanh thu đường	1.840.605.755.451	988.799.371.267
Doanh thu mặt	137.159.671.517	85.325.295.047
Doanh thu điện	41.473.764.030	26.306.394.479
Doanh thu khác	33.744.261.902	5.365.468.273
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(2.677.734.927)	(1.544.616.185)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.050.305.717.973</b>	<b>1.104.251.912.881</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.038.767.369.716	1.101.955.582.881
Doanh thu dịch vụ	11.538.348.257	2.296.330.000

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư nông dân	106.045.910.094	19.503.605.917
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.481.170.443	22.291.716.363
Lãi cho vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	5.677.290.262	108.193.262
Cổ tức được chia	11.678.510.239	1.221.868.029
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	868.564.790	79.812.401
Lãi đầu tư chứng khoán	-	10.618.426.130
Doanh thu khác	1.164.229.261	668.589.901
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>128.915.675.089</b>	<b>54.492.212.003</b>

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của sản phẩm đường	1.253.779.214.818	609.536.423.504
Giá vốn của sản phẩm mật	137.561.649.258	84.771.826.944
Giá vốn của sản phẩm điện	39.233.208.712	25.252.773.355
Giá vốn của sản phẩm khác	16.362.747.510	904.622.309
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.446.936.820.298</b>	<b>720.465.646.112</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	48.666.079.483	19.966.300.958
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	47.494.859.522	4.530.160.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.972.278.380	798.619.225
Chi phí tài chính khác	463.202.379	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.596.419.764</b>	<b>25.295.081.168</b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.492.907.226</b>	<b>1.437.980.296</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	2.307.041.263	687.167.355
Thu từ bồi thường bảo hiểm	3.419.796.841	-
Thu thanh lý tài sản khác	1.501.532.132	681.319.999
Thu nhập khác	264.536.990	69.492.942
<b>Chi phí khác</b>	<b>(5.456.192.196)</b>	<b>(971.560.390)</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(3.967.324.750)	(971.560.390)
Chi phí thanh lý tài sản khác	(1.488.867.446)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.036.715.030</b>	<b>466.419.906</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.213.781.516.219	620.965.306.129
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và 12)	77.372.853.128	72.761.739.575
Chi phí nhân công	55.713.759.772	35.435.591.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.889.285.973	13.771.263.998
Chi phí khác	39.917.912.261	20.621.942.108
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.510.675.327.353</b>	<b>763.555.843.564</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 10% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(23.837.185.732)	(25.127.528.863)
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2010	(193.615.948)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.031.009.252	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(17.999.792.428)</b>	<b>(25.127.528.863)</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## Báo cáo tài chính

Thông tin chung  
Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)  
Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm nay		Tổng cộng	VNĐ Năm trước
	Hoạt động kinh doanh chính	Hoạt động khác		
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>546.614.400.449</b>	<b>24.371.960.526</b>	<b>570.986.360.975</b>	<b>370.359.620.058</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>				
Thay đổi dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	35.409.817.736	-	35.409.817.736	-
Thay đổi các khoản trích trước	8.864.260.477	-	8.864.260.477	-
Chi phí không được khấu trừ	3.989.544.974	-	3.989.544.974	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	138.300.000	-	138.300.000	-
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	(4.018.518.762)	-	(4.018.518.762)	-
Thay đổi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(200.233.648)	-	(200.233.648)	-
Thay đổi dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(556.196.285)	-	(556.196.285)	-
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	153.572.500	-	153.572.500	-
Cổ tức nhận được	-	(11.678.510.239)	(11.678.510.239)	(1.221.868.029)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>590.394.947.441</b>	<b>12.693.450.287</b>	<b>603.088.397.728</b>	<b>369.137.752.029</b>
Thuế suất áp dụng	5%	25%		
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>29.519.747.372</b>	<b>3.173.362.572</b>	<b>32.693.109.944</b>	<b>25.127.528.863</b>
Thuế TNDN giảm 30%-Thông tư số 154/2011/TT-BTC	(8.855.924.212)	-	(8.855.924.212)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm		15.527.792.678		9.732.547.831
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước		-		6.391.099.040
Thuế TNDN đã nộp trong năm		(31.327.104.828)		(25.723.383.056)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>		<b>8.037.873.582</b>		<b>15.527.792.678</b>

## 28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động KD	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.540.981.774	-	3.540.981.774	-
Thay đổi các khoản trích trước	2.952.165.098	-	2.952.165.098	-
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(55.619.629)	-	(55.619.629)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	15.357.250	-	15.357.250	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(401.851.876)	-	(401.851.876)	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(20.023.365)	-	(20.023.365)	-
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>	<b>6.031.009.252</b>	<b>-</b>	<b>6.031.009.252</b>	<b>-</b>

## 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Thành Thành Công	Công ty đầu tư	Bán hàng Chi mua đường thô Bán cổ phiếu BAC Thu tiền từ bán cổ phiếu BAC Lãi phải thu Lãi phải trả	293.503.460.556 100.000.000.000 55.000.000.000 2.750.000.000 5.045.899.730 3.770.000.000
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	Công ty liên kết	Lãi cho vay Thu nợ gốc Cho vay	31.546.969.364 8.652.000.000 5.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Âu	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua cổ phiếu BAC	55.000.000.000
Công ty TNHH Đặng Thành	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng	58.943.095.233

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Thành Thành Công	Công ty đầu tư	Ứng trước tiền mua đường thô	1.383.516.000
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Thành Thành Công	Công ty đầu tư	Thu từ bán cổ phiếu BAC	52.250.000.000
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	90.000.000.000
		Lãi cho vay	50.754.541.665
			<b>193.004.541.665</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	Công ty liên kết	Cho vay dài hạn	100.000.000.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại Thành Thành Công	Công ty đầu tư	Tạm ứng tiền mua hàng	(951.702.400)
<b>Vay</b>			
Công ty Mía đường Tây Ninh	Bên liên quan	Vay	(20.838.905.000)

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	552.986.568.547	345.232.091.195
- Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	137.314.053	141.252.330
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)</b> <b>(mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu).</b>	<b>4.027</b>	<b>2.444</b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính.

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG****Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	555.607.728	470.580.676
Trên 1 – 5 năm	231.503.220	666.655.958
Trên 5 năm	-	-

**Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản cam kết 2.684.704.813 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2010 là 326.430.000 đồng Việt Nam) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động của Công ty.

**Bảo lãnh**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty cùng với các chủ sở hữu khác của Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa đã bảo lãnh cho các khoản vay ngân hàng của công ty này với số tiền tối đa là 245.000.000.000 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2010: 245.000.000.000 đồng Việt Nam).

**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 31 tháng 12 năm 2010.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	VNĐ	
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VNĐ	+300	(3.552.239.633)
VNĐ	-300	3.552.239.633
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010		
VNĐ	+300	9.452.289.703
VNĐ	-300	(9.452.289.703)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro, Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá Đô la Mỹ, EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	VNĐ		
	Thay đổi tỷ giá USD	Thay đổi tỷ giá EUR	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	+1%	-2%	(140.210.883)
	-1%	+2%	140.210.883
Năm trước	+1%	-2%	14.055.453
	-1%	+2%	(14.055.453)

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 266.475.831.432 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 0 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 22.372.007.493 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 22.372.007.493 đồng Việt Nam.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### Báo cáo tài chính

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Các công cụ tài chính khác

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

		VNĐ				
	Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
			90 ngày	91-180 ngày	181-210 ngày	> 210 ngày
31 tháng 12 năm 2011	815.960.584.725	815.680.593.130	279.991.595	-	-	-
31 tháng 12 năm 2010	551.576.454.177	542.793.796.005	8.208.485.072	531.174.000	-	42.999.100

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

		VNĐ				
	Bắt kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng	
<b>31 tháng 12 năm 2011</b>						
-	Các khoản vay và nợ	327.358.035.686	9.545.368.000	8.797.195.000	345.700.598.686	
-	Phải trả người bán	72.356.374.938	-	-	72.356.374.938	
-	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	55.726.251.680	-	-	55.726.251.680	
-		<b>455.440.662.304</b>	<b>9.545.368.000</b>	<b>8.797.195.000</b>	<b>473.783.225.304</b>	
<b>31 tháng 12 năm 2010</b>						
-	Các khoản vay và nợ	2.386.342.000	9.545.368.000	10.738.537.000	22.670.247.000	
-	Phải trả người bán	44.861.096.853	-	-	44.861.096.853	
-	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	34.212.172.331	-	-	34.212.172.331	
-		<b>81.459.611.184</b>	<b>9.545.368.000</b>	<b>10.738.537.000</b>	<b>101.743.516.184</b>	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Thuyết minh số 15). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các cổ phiếu sử dụng làm tài sản thế chấp tương ứng là 129.530.737.123 đồng Việt Nam. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các cổ phiếu này cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Như được đề cập trong Thuyết minh số 15 và 21, Công ty đã cầm cố một số tài sản bảo đảm gồm các máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, hàng tồn kho và các khoản phải thu để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Công ty nắm giữ quyền sử dụng đất của nông dân như là tài sản đảm bảo cho các khoản đầu tư vào nông dân vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## 33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	136.945.094.309	(6.950.808.475)	24.714.196.130	-	129.994.285.834
- Cổ phiếu niêm yết	-	-	35.000.000.000	(12.503.689.703)	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	374.530.737.123	(29.242.987.605)	245.000.000.000	-	345.287.749.518
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết	222.085.298.772	(18.403.776.122)	189.829.347.340	(15.480.273.159)	203.681.522.650
Các khoản đầu tư vào nông dân	-	-	5.712.303.973	-	-
Các khoản đầu tư khác	180.726.157.576	-	80.269.401.344	-	180.726.157.576
Phải thu khách hàng	293.004.541.665	-	268.612.152.301	-	293.004.541.665
Phải thu các bên liên quan	138.548.362.834	(279.991.595)	25.823.045.220	(480.225.243)	138.268.371.239
Phải thu khác	88.725.909.901	-	126.499.741.314	-	88.725.909.901
Tiền và các khoản tương đương tiền					
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.434.566.102.180</b>	<b>(54.877.563.797)</b>	<b>1.001.460.187.622</b>	<b>(28.464.188.105)</b>	<b>1.379.688.538.383</b>
					<b>972.995.999.517</b>

## Báo cáo tài chính

Thông tin chung  
Báo cáo của Ban Giám đốc  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## 33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010	31 tháng 12 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ	345.700.598.686	22.670.247.000	345.700.598.686	22.670.247.000	
Phải trả cho các bên có liên quan	2.151.702.400	18.954.460.396	2.151.702.400	18.954.460.396	
Phải trả người bán	72.356.374.938	44.861.096.853	72.356.374.938	44.861.096.853	
Phải trả khác	53.574.549.280	15.257.711.935	53.574.549.280	15.257.711.935	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>473.783.225.304</b>	<b>101.743.516.184</b>	<b>473.783.225.304</b>	<b>101.743.516.184</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch

## 34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Giám đốc  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**35. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính năm nay và không làm thay đổi tổng tài sản của Công ty như sau:

	VNĐ	
	31 tháng 12 năm 2010 (đã được trình bày trước đây)	31 tháng 12 năm 2010 (được trình bày lại)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
Đầu tư ngắn hạn	151.759.448.812	211.473.644.942
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(11.508.509.875)	(24.012.199.578)
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	4.753.342.397	47.830.886.804
Giá trị khấu trừ lũy kế tài sản cố định vô hình	(2.697.937.500)	(4.243.099.967)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	54.149.208.747	17.734.245.747
Đầu tư dài hạn khác	98.696.398.631	38.982.202.501
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(16.475.452.987)	(3.971.763.284)
Chi phí trả trước dài hạn	5.117.418.940	-

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2011



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc



**ĐIỂM NỔI BẬT CỦA ĐƯỜNG BOURBON SO VỚI ĐƯỜNG KHÁC**

**Đạt tiêu chuẩn Châu Âu**

**Độ tinh khiết cực cao**

**Không vi khuẩn**

**Làm trắng bằng phương pháp vật lý tự nhiên, không hóa chất**